

**Phụ lục 2:****KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MUA SẮM TÀI SẢN NĂM 2023  
(ĐIỀU CHỈNH)**

Ban thành theo Nghị quyết số 119/Q-HĐT ngày 19 tháng 7 năm 2023 về điều chỉnh hạng mục và kinh phí cho hoạt động xây dựng, cải tạo, mua sắm và sửa chữa năm 2023 Trường Đại học Cần Thơ

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

| STT       | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                          | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm   | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                                                         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)       | (2)                                                                                                                                                                 | (3)                           | (4)                     | (5)             | (6)=(3)+(4)-(5)                      | (7)                                                                                                                             |
| <b>I</b>  | <b>KHU I</b>                                                                                                                                                        | <b>1,450.00</b>               | <b>-</b>                | <b>200.00</b>   | <b>1,250.00</b>                      |                                                                                                                                 |
| <b>1</b>  | <b>Khoa Ngoại ngữ</b>                                                                                                                                               | <b>550.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>200.00</b>   | <b>350.00</b>                        |                                                                                                                                 |
| 1         | Chống thấm, dán gạch tường phòng làm việc các bộ môn                                                                                                                | 200.00                        |                         | 200.00          |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                                            |
| 2         | Chống thấm vách tường phòng làm việc các bộ môn, chống thấm sê nô các dãy B,C,D nhà học và văn phòng Khoa                                                           | 200.00                        |                         |                 | 200.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                                         |
| 3         | Thiết bị điện, điện tử (Tivi, Hệ thống âm thanh hội trường)                                                                                                         | 150.00                        |                         |                 | 150.00                               |                                                                                                                                 |
| <b>2</b>  | <b>Các khu vực công cộng - P.QTTB</b>                                                                                                                               | <b>900.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>-</b>        | <b>900.00</b>                        |                                                                                                                                 |
| 1         | Cải tạo cảnh quan tại Khu I                                                                                                                                         | 100.00                        |                         |                 | 100.00                               |                                                                                                                                 |
| 2         | Đường bê tông và làm hàng rào tiếp giáp các hộ dân phía sau Khu I - ĐHCT                                                                                            | 500.00                        |                         |                 | 500.00                               |                                                                                                                                 |
| 3         | Cải tạo hệ cống thoát nước, san lấp chống ngập cạnh hàng rào Khu I - Đại học Cần Thơ                                                                                | 300.00                        |                         |                 | 300.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                                         |
|           | Cải tạo cổng, xây bệ bảng tên, ốp bảng hiệu bằng đá trắng sứ vân, chữ Inox Khu I                                                                                    |                               | 181.00                  |                 | 181.00                               | Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5)                                                                                             |
| <b>II</b> | <b>KHU II</b>                                                                                                                                                       | <b>47,196.00</b>              | <b>3,200.00</b>         | <b>5,940.00</b> | <b>44,806.00</b>                     |                                                                                                                                 |
| <b>1</b>  | <b>Trường Bách khoa</b>                                                                                                                                             | <b>5,296.00</b>               | <b>80.00</b>            | <b>670.00</b>   | <b>4,706.00</b>                      |                                                                                                                                 |
| 1         | Cải tạo, chống sụp lún sân, nền, các PTN, vỉa hè, tam cấp, chống thấm khe lún tòa nhà chính Trường, cải tạo vách tường xương cơ khí, chống dột phòng thực hành ô tô | 800.00                        |                         | 50.00           | 750.00                               | Sắp xếp, điều chỉnh lại tên hạng mục từ các hạng mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 11, 12 của mục II.1 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT |
| 2         | Cải tạo các PTN, phòng dạy thực hành, khu vệ sinh Khoa Kỹ thuật Xây dựng & cải tạo mở rộng PTN cho Khoa Kỹ thuật Công trình Giao thông                              | 700.00                        |                         |                 | 700.00                               |                                                                                                                                 |
| 3         | Sơn chống xuống cấp tòa nhà Khoa Kỹ thuật điện và Khoa Tự động hóa                                                                                                  | 600.00                        |                         | 600.00          |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                                            |
| 4         | Cải tạo hệ thống lạnh cho phòng thực hành CAD/CAM/CNC Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí                                                                                        | 300.00                        | 70.00                   |                 | 370.00                               |                                                                                                                                 |
| 5         | Sơn tường, cửa đi, cửa sổ Xưởng Cơ khí                                                                                                                              | 100.00                        |                         | 20.00           | 80.00                                |                                                                                                                                 |
| 6         | Máy toàn đạc điện tử Khoa Kỹ thuật thủy lợi (02 bộ)                                                                                                                 | 256.00                        |                         |                 | 256.00                               |                                                                                                                                 |
| 7         | Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty CP LUMI Việt Nam cho Khoa Điện tử Viễn thông (10 bộ máy tính, dụng cụ nội thất bố trí thí nghiệm)                    | 150.00                        | 10.00                   |                 | 160.00                               |                                                                                                                                 |
| 8         | Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty TNHH Siemens cho Khoa Tự động hóa                                                                                    | 350.00                        |                         |                 | 350.00                               |                                                                                                                                 |
| 9         | Dự án Đầu tư phòng thí nghiệm Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phục vụ giảng dạy và học tập, Khoa Quản lý Công nghiệp                                            | 840.00                        |                         |                 | 840.00                               |                                                                                                                                 |

| STT      | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                                           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10       | Đầu tư trang thiết bị cho nhóm học phần về KIẾN TRÚC và MỸ THUẬT cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật Xây dựng                                                                                                                                                         | 1,200.00                      |                         |               | 1,200.00                             |                                                                                                                   |
| <b>2</b> | <b>Trường Công nghệ Thông tin và TT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>2,580.00</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>      | <b>2,580.00</b>                      |                                                                                                                   |
| 1        | Cải tạo sảnh chính, phòng họp trực tuyến, các khoa                                                                                                                                                                                                                                                           | 730.00                        |                         |               | 730.00                               | Sắp xếp, điều chỉnh lại tên hạng mục từ các hạng mục 1, 2, 3, 4, 5 của mục II.2 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT |
| 2        | Cải tạo chống thấm mái, nhà vệ sinh, sơn vách tường, hành lang tòa nhà                                                                                                                                                                                                                                       | 850.00                        |                         |               | 850.00                               |                                                                                                                   |
| 3        | Thiết bị tin học và ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,000.00                      |                         |               | 1,000.00                             |                                                                                                                   |
| <b>3</b> | <b>Khoa Dự bị Dân tộc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>780.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>200.00</b> | <b>580.00</b>                        |                                                                                                                   |
| 1        | Chống thấm trần phòng đoàn thể, seno khu nhà học và khu văn phòng                                                                                                                                                                                                                                            | 200.00                        |                         | <b>200.00</b> |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                              |
| 2        | Cải tạo nhà để xe cán bộ, bãi giữ xe sinh viên khoa Dự bị Dân tộc                                                                                                                                                                                                                                            | 100.00                        |                         |               | 100.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                           |
| 3        | Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy chiếu)                                                                                                                                                                                                                                                           | 480.00                        |                         |               | 480.00                               |                                                                                                                   |
| <b>4</b> | <b>Khoa Khoa học Chính trị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>800.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>250.00</b> | <b>550.00</b>                        |                                                                                                                   |
| 1        | Cải tạo cảnh quan, hệ thống tưới nước, hệ thống thoát nước xung quanh tòa nhà khoa Khoa học Chính trị                                                                                                                                                                                                        | 300.00                        |                         |               | 300.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                           |
| 2        | Cải tạo cửa phòng họp, sơn cửa, khung sắt bảo vệ khối nhà Khoa Khoa học Chính trị                                                                                                                                                                                                                            | 500.00                        |                         | 250.00        | 250.00                               |                                                                                                                   |
| <b>5</b> | <b>Khoa Khoa học Tự nhiên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>2,550.00</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>      | <b>2,550.00</b>                      |                                                                                                                   |
| 1        | Cải tạo một phần cơ sở vật chất của Khoa (Cải tạo phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ, chống sụp lún, chống thấm, sơn sửa các phòng vật lý ứng dụng, các phòng thí nghiệm thực hành, nhà vệ sinh Bộ môn Vật lý bolck D & Bộ môn Sinh học bolck C Khoa KHTN; Cải tạo 02 phòng thí nghiệm sinh học tế bào & phân tử) | 1,000.00                      |                         |               | 1,000.00                             | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                           |
| 2        | Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các bộ môn; nội thất và thiết bị cho phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ, máy chiếu cho nhà học,...                                                                                                                                                                        | 1,500.00                      |                         |               | 1,500.00                             |                                                                                                                   |
| 3        | Phần mềm VASP phục vụ đào tạo sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                                    | 50.00                         |                         |               | 50.00                                |                                                                                                                   |
| <b>6</b> | <b>Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>875.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>-</b>      | <b>875.00</b>                        |                                                                                                                   |
| 1        | Sơn mặt ngoài, chống thấm, cải tạo nhà vệ sinh, nâng nền, lát gạch sân và đường vào khoa                                                                                                                                                                                                                     | 250.00                        |                         |               | 250.00                               |                                                                                                                   |
| 2        | Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy scan)                                                                                                                                                                                                                                                            | 625.00                        |                         |               | 625.00                               |                                                                                                                   |
| <b>7</b> | <b>Trường Kinh tế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>450.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>60.00</b>  | <b>390.00</b>                        |                                                                                                                   |
| 1        | Cải tạo, sửa chữa sân trong khuôn viên trường Kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                        | 100.00                        |                         |               | 100.00                               |                                                                                                                   |
| 2        | Cải tạo Khoa Kinh tế tài nguyên & Môi trường, chống sụp lún hành lang dãy nhà học Chất lượng cao                                                                                                                                                                                                             | 350.00                        |                         | 60.00         | 290.00                               | Ghép hạng mục 2 và 3 của mục II.7 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT và điều chỉnh tên hạng mục                    |

| STT       | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                          | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                                        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>8</b>  | <b>Khoa Luật</b>                                                                                                                                                    | <b>900.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>100.00</b> | <b>800.00</b>                        |                                                                                                                |
|           | Xử lý thấm ốp chân tường tầng trệt nhà làm việc (tiếp giáp công trình ODA), chống thấm, cải tạo hội trường, cải tạo phòng 201 thành phòng họp & hội nghị trực tuyến | 300.00                        |                         |               | 300.00                               | Ghép hạng mục 1 và 2 của mục II.8 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT và điều chỉnh tên hạng mục                 |
| 3         | Cải tạo phòng học 102 sau khi khoa nhận lại                                                                                                                         | 100.00                        |                         | 100.00        |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 4         | Thiết bị điện, điện tử, thiết bị âm thanh,...                                                                                                                       | 300.00                        |                         |               | 300.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Dụng cụ nội thất                                                                                                                                                    | 200.00                        |                         |               | 200.00                               |                                                                                                                |
| <b>9</b>  | <b>Khoa Môi trường &amp; TNTN</b>                                                                                                                                   | <b>1,025.00</b>               | <b>200.00</b>           | <b>200.00</b> | <b>1,025.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Sơn mới mặt ngoài phía sau, cải tạo mái, nền, phòng khối nhà chính & cải tạo dây nhà trệt, nhà lưới Khoa                                                            | 1,025.00                      |                         | 200.00        | 825.00                               | Ghép hạng mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của mục II.9 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT và điều chỉnh tên hạng mục     |
| 2         | Chống sụp lún vỉa hè bao quanh tòa nhà                                                                                                                              |                               | 200.00                  |               | 200.00                               | Hạng mục phát sinh, sử dụng kinh phí đối dư từ hạng mục trên                                                   |
|           | Bổ sung dụng cụ thí nghiệm cho Khoa Môi trường và TNTN năm 2022                                                                                                     |                               | 640.52                  |               | 640.52                               | - Đã có kế hoạch và triển khai năm 2022 nhưng thanh toán đầu năm 2023<br>- Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5) |
| <b>10</b> | <b>Trường Nông nghiệp</b>                                                                                                                                           | <b>1,250.00</b>               | <b>-</b>                | <b>450.00</b> | <b>800.00</b>                        |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo nhà làm việc, nhà kho, trại chăn nuôi, đường đi chính, hệ thống đê bao làm Trại thực nghiệm nông nghiệp, Trường Nông nghiệp                                 | 500.00                        |                         |               | 500.00                               |                                                                                                                |
| 2         | Cải tạo, sửa chữa các phòng thuộc Bộ môn Công nghệ thực phẩm cũ thành PTN mới                                                                                       | 200.00                        |                         | 200.00        |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 3         | Gia cố móng, chống thấm, sơn mới PTN Phòng trừ sinh học                                                                                                             | 250.00                        |                         | 250.00        |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 4         | Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cho các Khoa                                                                                                                   | 300.00                        |                         |               | 300.00                               |                                                                                                                |
| <b>11</b> | <b>Khoa Sư phạm</b>                                                                                                                                                 | <b>1,475.00</b>               | <b>310.00</b>           | <b>310.00</b> | <b>1,475.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo Nhà làm việc khoa, nhà vệ sinh, khe lún, sơn sửa văn phòng các bộ môn, phòng thí nghiệm Sinh lý Động vật KSP                                                | 800.00                        |                         | 310.00        | 490.00                               | Ghép hạng mục 1, 2, 3, và 5 của mục II.11 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT và điều chỉnh tên hạng mục         |
| 2         | Chống thấm sê nô, mái khối văn phòng và sảnh Nhà thực hành Lý - Hóa - Sinh                                                                                          |                               | 310.00                  |               | 310.00                               | Hạng mục phát sinh, sử dụng kinh phí đối dư từ hạng mục trên                                                   |
| 3         | Cải tạo sân bóng chuyền Khoa                                                                                                                                        | 350.00                        |                         |               | 350.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                        |
| 4         | Thiết bị tin học và ngoại vi Bộ môn SP Sinh học                                                                                                                     | 175.00                        |                         |               | 175.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Thiết bị điện, điện tử, âm thanh, ...                                                                                                                               | 150.00                        |                         |               | 150.00                               |                                                                                                                |

| STT       | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                                                                    | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm   | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                                        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>12</b> | <b>Khoa Thủy sản</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>1,950.00</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>        | <b>1,950.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Sơn mặt ngoài phía sau và 2 bên khối Văn phòng & nhà học 5 tầng Khoa Thủy sản                                                                                                                                                                                 | 990.00                        |                         |                 | 990.00                               | Sắp xếp, điều chỉnh lại tên hạng mục từ các hạng mục 1, 2 và 3 của mục II.12 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT |
| 2         | Cải tạo, chống thấm nhà vệ sinh nhà học 5 tầng                                                                                                                                                                                                                | 150.00                        |                         |                 | 150.00                               |                                                                                                                |
| 3         | Chống thấm mái, sê nô khối nhà 5 tầng, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Nhà máy thức ăn thủy sản, sửa cửa đi, cửa sổ nhà 2 tầng                                                                                                                            | 360.00                        |                         |                 | 360.00                               |                                                                                                                |
| 4         | Cải tạo nền Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt lắp dựng nhà văn phòng tư vấn lắp đặt thiết bị thí nghiệm ODA                                                                                                                                             | 250.00                        |                         |                 | 250.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm các bộ môn                                                                                                                                                                                                               | 200.00                        |                         |                 | 200.00                               |                                                                                                                |
|           | Xây bệ đặt bảng tên bằng đá và bảng tên đá của Trường Thủy sản                                                                                                                                                                                                |                               | 131.00                  |                 | 131.00                               | Sử dụng kinh phí dự phòng (II.22.5)                                                                            |
| <b>13</b> | <b>Viện CNSH và Thực phẩm</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1,200.00</b>               | <b>-</b>                | <b>1,000.00</b> | <b>200.00</b>                        |                                                                                                                |
| 1         | Sửa chữa một phần tòa nhà Phòng thí nghiệm chuyên sâu thành phòng học                                                                                                                                                                                         | 1,000.00                      |                         | 1,000.00        |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 2         | Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                          | 200.00                        |                         |                 | 200.00                               |                                                                                                                |
| <b>14</b> | <b>Trung tâm Học liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>500.00</b>                 | <b>-</b>                | <b>200.00</b>   | <b>300.00</b>                        |                                                                                                                |
| 1         | Chống thấm tòa nhà                                                                                                                                                                                                                                            | 500.00                        |                         | 200.00          | 300.00                               |                                                                                                                |
| <b>15</b> | <b>Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng</b>                                                                                                                                                                                                                   | <b>4,550.00</b>               | <b>535.00</b>           | <b>-</b>        | <b>5,085.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo hệ thống lạnh cho phòng Server                                                                                                                                                                                                                        | 1,000.00                      |                         |                 | 1,000.00                             |                                                                                                                |
| 2         | Phần mềm (Gia hạn bản quyền 1 năm: tường lửa Internet và Ứng dụng các thiết bị bảo mật của DA ODA, tường lửa các thiết bị Đa Ngôn ngữ 2020)                                                                                                                   | 1,800.00                      |                         |                 | 1,800.00                             |                                                                                                                |
| 3         | Thiết bị tin học (Bổ sung 40 điểm truy cập wifi trường, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị)                                                                                                                                                                    | 1,000.00                      | 35.00                   |                 | 1,035.00                             |                                                                                                                |
| 4         | Phần mềm sao lưu, nhân bản các máy chủ ảo                                                                                                                                                                                                                     | 750.00                        |                         |                 | 750.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Chi phí lắp đặt, tháo dỡ hệ thống lạnh phòng Server                                                                                                                                                                                                           |                               | 500.00                  |                 | 500.00                               | Phát sinh KH 2023                                                                                              |
| <b>16</b> | <b>Phòng Công tác sinh viên (KTX - TT.PVSV)</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>4,735.00</b>               | <b>-</b>                | <b>100.00</b>   | <b>4,635.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các dãy Ký túc xá (Cải tạo chống thấm các khu vệ sinh khối nhà B5, B8 KTX B; Cải tạo dây nhà B20 KTX A; Cải tạo dây nhà B21 KTX A; Cải tạo dây nhà B23 KTX A; Cải tạo chỗ lấy rác, cống thoát nước và lối đi phía sau KTX Cà Mau) | 2,500.00                      |                         |                 | 2,500.00                             |                                                                                                                |
| 2         | Cải tạo nền nhà xe số 2 KTX Khu B                                                                                                                                                                                                                             | 700.00                        |                         |                 | 700.00                               |                                                                                                                |
| 3         | Cải tạo vỉa hè đường vào KTX Khu B                                                                                                                                                                                                                            | 100.00                        |                         | 100.00          |                                      | Sử dụng nguồn khác                                                                                             |
| 4         | Cảnh quan, vỉa hè khu vực Nhà văn hóa KTX Khu A                                                                                                                                                                                                               | 200.00                        |                         |                 | 200.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Thiết bị tin học và ngoại vi (06 bộ máy tính, 01 máy in)                                                                                                                                                                                                      | 100.00                        |                         |                 | 100.00                               |                                                                                                                |
| 6         | Hệ thống camera quan sát an ninh                                                                                                                                                                                                                              | 260.00                        |                         |                 | 260.00                               |                                                                                                                |
| 7         | Thiết bị điện, điện lạnh (03 máy lạnh)                                                                                                                                                                                                                        | 100.00                        |                         |                 | 100.00                               |                                                                                                                |
| 8         | Dụng cụ nội thất (80 giường sắt)                                                                                                                                                                                                                              | 440.00                        |                         |                 | 440.00                               |                                                                                                                |
| 9         | Sửa chữa dụng cụ nội thất (thay vật giường dây A1)                                                                                                                                                                                                            | 335.00                        |                         |                 | 335.00                               |                                                                                                                |

| STT       | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm   | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                                        |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>17</b> | <b>Phòng Kế hoạch Tổng hợp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1,500.00</b>               | <b>355.00</b>           | <b>100.00</b>   | <b>1,755.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Sửa chữa nhà xe Tô ô tô; Sơn lại phòng PCT.HĐT, phòng họp BGH Lầu 1 NĐH; Chống thấm sê nô, mái, sửa trần Nhà khách số 1, sơn sửa nhà sole số 1, 8                                                                                                                                              | 400.00                        |                         |                 | 400.00                               | Ghép hạng mục 1 và 2 của mục II.17 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT và điều chỉnh tên hạng mục                |
| 2         | Sơn lan can NĐH                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100.00                        |                         | 100.00          |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 3         | Sửa chữa, bảo trì hệ thống thang máy NĐH                                                                                                                                                                                                                                                       |                               | 355.00                  |                 | 355.00                               | Phát sinh KH 2023                                                                                              |
| 4         | Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3                                                                                                                                                                                                                                                              | 300.00                        |                         |                 | 300.00                               |                                                                                                                |
| 5         | Nội thất cho Hội trường 3                                                                                                                                                                                                                                                                      | 700.00                        |                         |                 | 700.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục                                                                                        |
| <b>18</b> | <b>Văn phòng Đoàn thanh niên - TT. TVK</b>                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>200.00</b>                 | <b>30.00</b>            | <b>-</b>        | <b>230.00</b>                        |                                                                                                                |
| 1         | Chống thấm sê nô, thay mái tole                                                                                                                                                                                                                                                                | 200.00                        | 30.00                   |                 | 230.00                               |                                                                                                                |
| <b>19</b> | <b>Khoa Giáo dục thể chất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>2,700.00</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>        | <b>2,700.00</b>                      |                                                                                                                |
|           | Chống sụp lún Nhà thi đấu mới                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1,000.00                      |                         |                 | 1,000.00                             |                                                                                                                |
|           | Chống thấm, cải tạo mái Nhà thi đấu mới                                                                                                                                                                                                                                                        | 700.00                        |                         |                 | 700.00                               | Sắp xếp, điều chỉnh lại tên hạng mục từ các hạng mục 1, 2 và 3 của mục II.19 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT |
|           | Sơn mặt trước, bên trong, sửa chữa khu làm việc, hệ thống điện, đèn chiếu sáng Nhà thi đấu mới                                                                                                                                                                                                 | 800.00                        |                         |                 | 800.00                               |                                                                                                                |
|           | Cải tạo sân thể thao, chống dột Nhà thi đấu cũ                                                                                                                                                                                                                                                 | 200.00                        |                         |                 | 200.00                               |                                                                                                                |
| <b>20</b> | <b>Phòng Công tác chính trị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>1,600.00</b>               | <b>-</b>                | <b>550.00</b>   | <b>1,050.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Lắp đặt cabin kỹ thuật, phòng phiên dịch Hội trường Rùa                                                                                                                                                                                                                                        | 200.00                        |                         | 200.00          |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                                           |
| 2         | Thiết bị điện, điện tử (Tivi, Camera quan sát, đèn Wash Led, đèn kỹ xảo,...) lắp đặt bổ sung Hội trường Rùa                                                                                                                                                                                    | 500.00                        |                         | 150.00          | 350.00                               |                                                                                                                |
| 3         | Bảo trì các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị (Bao gồm máy bơm PCCC V. ĐBSCL, K. KHXH&NV, KSP)                                                                                                                                                                                       | 900.00                        |                         | 200.00          | 700.00                               |                                                                                                                |
| <b>21</b> | <b>Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ</b>                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>780.00</b>                 | <b>500.00</b>           | <b>-</b>        | <b>1,280.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo 01 phòng học thành phòng thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ                                                                                                                                                                                                                               | 200.00                        | 130.00                  |                 | 330.00                               | Tách hạng mục 1 của mục II.21 Phụ lục 2 Nghị quyết số 92/NQ-HĐT thành 2 hạng mục                               |
| 2         | Đầu tư bàn ghế phòng thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ                                                                                                                                                                                                                                           | 100.00                        |                         |                 | 100.00                               |                                                                                                                |
| 3         | Thiết bị tin học và ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                   | 480.00                        | 370.00                  |                 | 850.00                               |                                                                                                                |
| <b>22</b> | <b>Khu vực công cộng - P.QTTB</b>                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>9,500.00</b>               | <b>500.00</b>           | <b>1,750.00</b> | <b>8,250.00</b>                      |                                                                                                                |
| 1         | Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng Khu II - ĐHCT (Phát hoang, cải tạo hệ thống chứa, thoát nước và mặt bằng khu đất phía trước KTX Khu B-ĐHCT; Đắp đường làm đê ngăn triều cường dọc theo bờ kênh hẻm 51 cạnh KTX Khu B-ĐHCT; Đắp đất nâng cao trình đoạn đường phía sau KTX Khu B-ĐHCT;...) | 1,000.00                      |                         |                 | 1,000.00                             |                                                                                                                |

| STT | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| 2   | Cải tạo cảnh quan, hệ thống giao thông nội bộ (Cải tạo vỉa hè phía trước Nhà điều hành - ĐHCT; Sửa chữa, sơn, thay mặt ghế công viên; làm bảng tên cây mai các tỉnh tặng bằng inox; vệ sinh, sơn mới các trụ và biển báo giao thông;...)                                                                                                    | 1,000.00                      |                         |               | 1,000.00                             |                               |
| 3   | Chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh (Mé nhánh, tia cảnh cây, cắt cỏ, phát quang và vận chuyển tới điểm tập trung tại Khu II - Trường Đại học Cần Thơ chuẩn bị ngày hội tư vấn tuyển sinh 2023; Tổng vệ sinh, tia cảnh cây, cắt cỏ, phát quang khuôn viên Khu II, Khu I, các đơn vị chuẩn bị tiếp đoàn đánh giá ngoài;...) | 800.00                        |                         |               | 800.00                               |                               |
| 4   | Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh Khu I, Khu II, Khu Măng Đen                                                                                                                                                                                                                                                                         | 950.00                        |                         |               | 950.00                               |                               |
| 5   | Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công cộng, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị                                                                                                                                                                                                            | 2,000.00                      | 500.00                  |               | 2,500.00                             |                               |
| 6   | Di dời, lắp đặt máy móc thiết bị từ các PTN hiện hữu vào các Tòa nhà dự án ODA                                                                                                                                                                                                                                                              | 500.00                        |                         | 500.00        |                                      | Chuyển sang kinh phí dự phòng |
| 7   | Thiết bị âm thanh cho các nhà học                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 250.00                        |                         | 150.00        | 100.00                               |                               |
| 8   | Tivi bổ sung, thay thế các nhà học                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 250.00                        |                         | 150.00        | 100.00                               |                               |
| 9   | Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các nhà học                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 250.00                        |                         | 150.00        | 100.00                               |                               |
| 10  | Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (T11/2023)                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 300.00                        |                         |               | 300.00                               |                               |
| 11  | Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc các công trình thuộc Dự án ODA                                                                                                                                                                                                                                                                                | 600.00                        |                         | 300.00        | 300.00                               |                               |
| 12  | Mua sắm, sửa chữa bàn, ghế sinh viên cho các nhà học                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 250.00                        |                         | 150.00        | 100.00                               |                               |
| 13  | Dự phòng sửa chữa lớn thiết bị thí nghiệm và dịch vụ khác cho các đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                    | 500.00                        |                         | 350.00        | 150.00                               |                               |
| 14  | Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các đơn vị năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 650.00                        |                         |               | 650.00                               |                               |
| 15  | Mua sắm thiết bị và dụng cụ thí nghiệm cho Trường Nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                               | 200.00                        |                         |               | 200.00                               |                               |
| 23  | <b>Nhà Xuất bản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | -                             | <b>140.00</b>           | -             | <b>140.00</b>                        |                               |
| 1   | Cải tạo di dời Nhà Xuất bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               | 140.00                  |               | 140.00                               | Phát sinh KH 2023             |
| 24  | <b>Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | -                             | <b>100.00</b>           | -             | <b>100.00</b>                        |                               |
| 1   | Cải tạo phòng họp, phòng làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                               | 100.00                  |               | 100.00                               | Phát sinh KH 2023             |
| 25  | <b>Viện nghiên cứu phát triển Đồng bằng sông Cửu Long</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | -                             | <b>100.00</b>           | -             | <b>100.00</b>                        |                               |
| 1   | Cải tạo chống dột khối nhà trệt, mái tole                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               | 100.00                  |               | 100.00                               | Phát sinh KH 2023             |
| 26  | <b>Trường TPPT THSP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                               | <b>350.00</b>           |               | <b>350.00</b>                        |                               |
| 1   | Xây dựng nâng cấp con đường từ cổng Trường THPT THSP đến Trung tâm Phát triển Kỹ năng sư phạm                                                                                                                                                                                                                                               |                               | 350.00                  |               | 350.00                               | Phát sinh KH 2023             |
| 27  | <b>Khoa Sau đại học</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                               | <b>350.00</b>           |               | <b>350.00</b>                        |                               |
| 1   | Mua sắm thiết bị Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                               | 350.00                  |               | 350.00                               | Phát sinh KH 2023             |

| STT        | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                    |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------------------|
| <b>III</b> | <b>KHU HÒA AN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>6,197.00</b>               | <b>773.00</b>           | <b>567.00</b> | <b>6,403.00</b>                      |                            |
| <b>1</b>   | <b>Khoa Phát triển nông thôn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>2,400.00</b>               | <b>150.00</b>           | <b>-</b>      | <b>2,550.00</b>                      |                            |
| 1          | Cải tạo, mua sắm, sửa chữa một phần CSVC của Khoa và KTX (Cải tạo dãy nhà học HA1, HA2, HA3, HA4; Cải tạo sân gạch 02 phòng học khối nhà mới, căn tin Khoa thành không gian sinh hoạt sinh viên; Cải tạo, Chống thấm nhà vệ sinh KTX Hậu Giang; Cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng sân trước khối nhà học và văn phòng Khoa, sân bóng chuyền, đường phía trước khối nhà thư viện và cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng đường từ cổng chính vào KTX Hậu Giang; Đầu tư nội thất khu văn phòng Khoa;...) | 2,000.00                      | 150.00                  |               | 2,150.00                             | Điều chỉnh tên và kinh phí |
| 2          | Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy in, máy photocopy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 150.00                        |                         |               | 150.00                               |                            |
| 3          | Thiết bị văn phòng (Máy lạnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 50.00                         |                         |               | 50.00                                |                            |
| 4          | Dụng cụ nội thất (Bàn, ghế, tủ, kệ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 200.00                        |                         |               | 200.00                               |                            |
| <b>2</b>   | <b>Trung tâm Giáo dục QP&amp;AN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>2,700.00</b>               | <b>-</b>                | <b>400.00</b> | <b>2,300.00</b>                      |                            |
| 1          | Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, giảng đường, nhà học, ký túc xá, nhà ở cán bộ, nhà ăn sinh viên; Cải tạo hệ thống thoát nước, đường nội bộ,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,000.00                      |                         | 400.00        | 1,600.00                             |                            |
| 2          | Cải tạo hệ thống cấp nước, mái nhà ăn Trung tâm Giáo dục Quốc phòng & AN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 200.00                        |                         |               | 200.00                               |                            |
| 3          | Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính, máy in, máy scan, máy chiếu, ...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 150.00                        |                         |               | 150.00                               |                            |
| 4          | Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (hệ thống camera an ninh, bộ thiết bị phòng họp trực tuyến, máy lạnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 350.00                        |                         |               | 350.00                               |                            |
| <b>3</b>   | <b>Các khu vực công cộng - P.QTTB</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>1,097.00</b>               | <b>623.00</b>           | <b>167.00</b> | <b>1,553.00</b>                      |                            |
| 1          | Cải tạo đoạn đường nối TTGDQP & KTX Hậu Giang Khu Hòa An.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,097.00                      |                         | 167.00        | 930.00                               |                            |
| 2          | Cải tạo đoạn đường nối từ KTX Hậu Giang đến các trại thực nghiệm Khu Hòa An (khoảng 200m)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                               | 280.00                  |               | 280.00                               | Phát sinh KH 2023          |
| 3          | Lắp đặt đường dây, cột điện và hệ thống đèn chiếu sáng đoạn đường bê tông nối kết Trung tâm Giáo dục QP&AN với Khoa Phát triển nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                               | 343.00                  |               | 343.00                               | Phát sinh KH 2023          |
| <b>IV</b>  | <b>KHU LÒ GẠCH BỪNG BÌNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>1,600.00</b>               | <b>450.00</b>           | <b>-</b>      | <b>2,050.00</b>                      |                            |
| 1          | Đắp đê làm đường đi khu vực ao nuôi cá Trại Lò Gạch (San lấp lồi đi dẫn ra khỏi nhà học và thực hành Khu Bưng Bình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 200.00                        |                         |               | 200.00                               | Điều chỉnh tên hạng mục    |
| 2          | Xây dựng hàng rào tạm bao quanh khu đất; Thuê dịch vụ bảo vệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 400.00                        |                         |               | 400.00                               |                            |
| 3          | Xây dựng phòng học và phòng thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1,000.00                      |                         |               | 1,000.00                             |                            |
| 4          | Hệ thống trụ đèn chiếu sáng bao quanh khu đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               | 230.00                  |               | 230.00                               | Phát sinh KH 2023          |
| 5          | Hệ thống camera bao quanh khu đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                               | 220.00                  |               | 220.00                               | Phát sinh KH 2023          |
| <b>V</b>   | <b>TRẠI THỰC NGHIỆM VĨNH CHÂU</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1,470.00</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>      | <b>1,470.00</b>                      |                            |
| 1          | Xây dựng trụ hàng rào phía sau khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 670.00                        |                         |               | 670.00                               |                            |
| 2          | Cầu giao thông, xây tường hàng rào phía sau, trụ hàng rào bên trái, bên phải khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 800.00                        |                         |               | 800.00                               |                            |

| STT                                                        | Tên dự án, hạng mục đầu tư                                                                                                                                                                                  | Tổng kinh phí dự kiến đầu năm | Kinh phí phát sinh tăng | Kinh phí giảm    | Tổng kinh phí dự kiến sau điều chỉnh | Ghi chú                                                                                            |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>VI</b>                                                  | <b>KHU MĂNG ĐEN - KON TUM</b>                                                                                                                                                                               | <b>5,360.00</b>               | <b>150.00</b>           | <b>5,010.00</b>  | <b>500.00</b>                        |                                                                                                    |
| 1                                                          | Quy hoạch sử dụng đất khu Măng Đen - Trường Đại học Cần Thơ                                                                                                                                                 | 300.00                        |                         | 300.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 2                                                          | Phòng thí nghiệm                                                                                                                                                                                            | 870.00                        |                         | 870.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 3                                                          | Trại thực nghiệm động vật nuôi                                                                                                                                                                              | 935.00                        |                         | 935.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 4                                                          | Dãy phòng ở sinh viên                                                                                                                                                                                       | 660.00                        |                         | 660.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 5                                                          | Trại thực nghiệm thủy sản                                                                                                                                                                                   | 700.00                        |                         | 700.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 6                                                          | Khu vệ sinh sử dụng chung                                                                                                                                                                                   | 345.00                        |                         | 345.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 7                                                          | Đường đi nội bộ                                                                                                                                                                                             | 300.00                        |                         |                  | 300.00                               |                                                                                                    |
| 8                                                          | Vấn đề đất rừng (9,5 ha) còn lại                                                                                                                                                                            | 100.00                        |                         | 100.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 9                                                          | Cảnh quan (cây, hoa, cá trong hồ)                                                                                                                                                                           | 50.00                         |                         |                  | 50.00                                |                                                                                                    |
| 10                                                         | Nhà trưng bày và sinh hoạt chung                                                                                                                                                                            | 1,000.00                      |                         | 1,000.00         |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 11                                                         | Hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                                                                            | 100.00                        |                         | 100.00           |                                      | Hạng mục dự kiến chưa thực hiện 2023                                                               |
| 12                                                         | Sửa chữa Nhà điều hành, hệ thống cấp điện, cấp nước, nhà màng (Cải tạo, sửa chữa trần nhà và hệ thống điện Nhà điều hành Khu Măng Đen; Cải tạo, sửa chữa nhà màng số 1, tháo dỡ nhà màng số 2 Khu Măng Đen) |                               | 150.00                  |                  | 150.00                               | Phát sinh KH 2023                                                                                  |
| <b>VII</b>                                                 | <b>PHÂN HIỆU ĐHCT TẠI SÓC TRĂNG</b>                                                                                                                                                                         | <b>10,000.00</b>              | <b>-</b>                | <b>8,350.00</b>  | <b>1,650.00</b>                      |                                                                                                    |
| 1                                                          | Cải tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan môi trường                                                                                                                                              | 10,000.00                     |                         | 8,350.00         | 1,650.00                             | Giảm do giảm khối lượng có thể thực hiện trong 2023.                                               |
| <b>VIII</b>                                                | <b>XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>                                                                                                                                                                                      | <b>9,000.00</b>               | <b>1,036.00</b>         | <b>1,000.00</b>  | <b>9,036.00</b>                      |                                                                                                    |
| 1                                                          | Cải tạo mặt sân bóng đá phía sau Nhà thi đấu đa năng                                                                                                                                                        | 1,000.00                      |                         |                  | 1000.00                              |                                                                                                    |
| 2                                                          | Dự án Cải tạo đường nội bộ từ cổng B đến Khoa Thủy sản, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ                                                                                                                     | 6,000.00                      | 1,036.00                |                  | 7,036.00                             | Điều chỉnh tên hạng mục (tăng kinh phí do tăng khối lượng). Điều chỉnh dự toán giữa công trình 2&3 |
| 3                                                          | Cải tạo đoạn đường phía sau Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu - Đại học Cần Thơ                                                                                                                      | 2,000.00                      |                         | 1,000.00         | 1,000.00                             | Điều chỉnh tên hạng mục (giảm kinh phí do giảm khối lượng). Điều chỉnh dự toán giữa công trình 2&3 |
| <b>Tổng cộng (I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)</b> |                                                                                                                                                                                                             | <b>82,273.00</b>              | <b>5,609.00</b>         | <b>21,067.00</b> | <b>67,165.00</b>                     |                                                                                                    |

Ghi chú: Ngoài ra, còn một số hạng mục với kinh phí nhỏ hơn 100 triệu đã được chi từ nguồn Kinh phí dự phòng (II.22.5)

|   |                                                           |                  |
|---|-----------------------------------------------------------|------------------|
|   | <b>Tổng kinh phí dự kiến điều chỉnh, bổ sung năm 2023</b> | <b>67,165.00</b> |
|   | Trong đó:                                                 |                  |
| 1 | Cải tạo, mua sắm và sửa chữa                              | 54,509.00        |
| 2 | Trại TN Vĩnh Châu                                         | 1,470.00         |
| 3 | Khu Măng Đen                                              | 500.00           |
| 4 | Phân hiệu Sóc Trăng                                       | 1,650.00         |
| 5 | Xây dựng mới                                              | 9,036.00         |